

SỐ 1545

LUẬN
A TỖ ĐẠT MA ĐẠI TỖ BÀ SA

Năm trăm Đại A-la-hán cùng tạo luận.

Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang dịch Phạn sáng Hán

QUYỂN 51

LUẬN VỀ BẤT THIỆN (Phần 6)

Hỏi : Vì sao gọi là thiện-bất thiện-vô lý?

Đáp : Nếu pháp thuận tiện khéo léo mà giữ gìn, có thể dẫn đến quả yêu thích, tánh an ổn cho nên gọi là thiện. Thuận tiện khéo léo mà giữ gìn là hiển bày về Đạo đế, có thể dẫn đến quả yêu thích là hiển bày về phần ít của Khổ-Tập đế tức là thiện hữu lậu, tánh an ổn là hiển bày về Diệt đế. Nếu pháp không phải là thuận tiện khéo léo mà giữ gìn, có thể dẫn đến quả không yêu thích, tánh không an ổn thì vốn gọi là bất thiện, đây là tổng quát hiển bày về phần ít của Khổ-Tập đế, tất là các pháp ác. Nếu pháp cùng trái ngược với hai loại kia, thì vốn gọi là vô ký. Lại nữa, nếu pháp có thể dẫn đến quả đáng yêu thích-quả nhận lấy vui sướng, thì vốn gọi là thiện; nếu pháp có thể dẫn đến quả không yêu thích-quả nhận lấy khổ đau, thì vốn gọi là bất thiện; nếu pháp cùng trái ngược với hai loại kia, thì vốn gọi là vô ký. Lại nữa, nếu pháp có thể dẫn dắt cho mầm của quả báo đáng yêu thích và mầm của giải thoát, thì vốn gọi là thiện; nếu pháp có thể dẫn dắt cho mầm của quả báo chẳng phải yêu thích, thì vốn gọi là bất thiện; nếu pháp cùng trái ngược với hai loại kia, thì vốn gọi là vô ký. Lại nữa, nếu pháp có thể làm cho sinh

www.daitangkinh.org

đến nẻo thiện, thì vốn gọi là thiện; nếu pháp có thể làm cho sinh vào nẻo ác, thì vốn gọi là bất thiện; nếu pháp cùng trái ngược với hai loại kia, thì vốn gọi là vô ký. Lại nữa, nếu pháp thuộc về phẩm hoàn diệt, tánh nhẹ nhàng lên cao, thì vốn gọi là thiện; nếu pháp thuộc về phẩm lưu truyền, tánh nặng nề chìm xuống, thì vốn gọi là bất thiện; nếu pháp cùng trái ngược với hai loại kia, thì vốn gọi là vô ký.

Vụ Tôn Giả nói: “Do bốn sự cho nên gọi là thiện:

1. Bởi vì tự tánh.
2. Bởi vì tương ứng.
3. Bởi vì cùng khởi.
4. Bởi vì thắng nghĩa”.

Bởi vì tự tánh, nghĩa là tự tánh thiện. Có người nói là tầm quý. Có người nói là ba căn thiện. Bởi vì tương ứng, nghĩa là tương ứng với thiện, tức là tâm-tâm sở pháp tương ứng với thiện. Bởi vì cùng khởi, nghĩa là cùng khởi với thiện, tức là do thiện mà dấy khởi hai nghiệp thân-ngữ không tương ứng với hành. Bởi vì thắng nghĩa, nghĩa là thắng nghĩa về thiện, tức là Niết-bàn an ổn cho nên gọi là thiện. Luận giả Phân Biệt cũng đưa ra cách nói này: “Tự tánh thiện gọi là trí, tương ứng thiện gọi là thức, cùng khởi thiện gọi là nghiệp thân-ngữ, thắng nghĩa thiện gọi là Niết-bàn”.

Do bốn sự cho nên gọi là bất thiện:

1. Bởi vì tự tánh.
2. Bởi vì tương ứng.
3. Bởi vì cùng khởi.
4. Bởi vì thắng nghĩa”.

Bởi vì tự tánh, nghĩa là tự tánh bất thiện. Có người nói là vô tầm-vô quý. Có người nói là ba căn bất thiện. Bởi vì tương ứng, nghĩa là tương ứng với bất thiện, tức là tâm-tâm sở pháp tương ứng với bất thiện. Bởi vì cùng khởi, nghĩa là cùng khởi với bất thiện, tức là do bất thiện mà dấy khởi hai nghiệp thân-ngữ không tương ứng với hành. Bởi vì thắng nghĩa, nghĩa là thắng nghĩa về bất thiện, tức là sinh tử không an ổn cho nên gọi là bất thiện. Luận giả Phân Biệt cũng đưa ra cách nói này: “Tự tánh bất thiện gọi là si, tương ứng với bất thiện gọi là thức, cùng khởi với bất thiện gọi là nghiệp thân-ngữ, thắng nghĩa về bất thiện gọi là sinh tử”.

Hiếp Tôn Giả nói: “Nếu pháp là tác ý như lý, tự tánh tương ứng với ác tác như lý, cùng khởi từ tác ý như lý, là quả ly hệ-đăng lưu của tác ý như lý, thì vốn gọi là thiện. Nếu pháp là tác ý phi lý, tự tánh tương

ưng với tác ý phi lý, cùng khởi từ tác ý phi lý, là quả đẳng lưu của tác ý phi lý, thì vốn gọi là bất thiện. Nếu pháp cùng trái ngược với hai loại kia, thì vốn gọi là vô ký”.

Lại nữa, nếu pháp là tâm-quý, tự tánh tương ứng với tâm-quý, cùng khởi từ tâm-quý, là quả ly hệ-đẳng lưu của tâm-quý, thì vốn gọi là thiện; nếu pháp là vô tâm - vô quý, tự tánh tương ứng với vô tâm-vô quý, cùng khởi từ vô tâm - vô quý, là quả đẳng lưu của vô tâm-vô quý, thì vốn gọi là bất thiện; nếu pháp cùng trái ngược với hai loại kia, thì vốn gọi là vô ký. Lại nữa, nếu pháp là ba căn thiện, tự tánh tương ứng với ba căn thiện, cùng khởi cùng ba căn thiện, là quả ly hệ-đẳng lưu của ba căn thiện, thì vốn gọi là thiện; nếu pháp là ba căn bất thiện, tự tánh tương ứng với ba căn bất thiện, cùng khởi từ ba căn bất thiện, là quả đẳng lưu của ba căn bất thiện, thì vốn gọi là bất thiện, nếu pháp cùng trái ngược với hai loại kia, thì vốn gọi là vô ký. Lại nữa, nếu pháp là năm căn như Tín..., tự tánh tương ứng với năm căn như Tín..., cùng khởi từ năm căn như Tín..., là quả ly hệ-đẳng lưu của năm căn như Tín..., thì vốn gọi là thiện; nếu pháp là năm Cái, tự tánh tương ứng với năm Cái, cùng khởi từ năm Cái, là quả đẳng lưu của năm Cái, thì vốn gọi là bất thiện; nếu pháp cùng trái ngược với hai loại kia, thì vốn gọi là vô ký.

Trong luận Tập Dị Môn nói: “Vì sao gọi là thiện?”

Đáp: Bởi vì pháp này có thể dẫn dắt cho quả đáng yêu-đáng mừng-đáng vui-thỏa ý-như ý, cho nên gọi là thiện; đây là hiển bày về quả đẳng lưu. Lại nữa, bởi vì pháp này có thể dẫn đến dị thực đáng yêu-đáng mừng-đáng vui-thỏa ý-như ý, cho nên gọi là thiện; đây là hiển bày về quả dị thực.

Vì sao gọi là bất thiện?

Đáp : Bởi vì pháp này có thể dẫn dắt cho quả không đáng yêu - không đáng mừng - không đáng vui - không thỏa ý - không như ý, cho nên gọi là bất thiện; đây là hiển bày về quả đẳng lưu. Lại nữa, bởi vì pháp này có thể dẫn dắt cho quả không đáng yêu-không đáng mừng-không đáng vui, không thỏa ý, không như ý, cho nên gọi là bất thiện; đây là hiển bày về quả dị thực. Nếu pháp cùng trái ngược với hai loại kia, thì vốn gọi là vô ký”.

Hỏi: Đức Thế Tôn ghi nhận chắc chắn Khổ thật sự là Khổ, Tập thật sự là Tập, Diệt thật sự là Diệt, Đạo thật sự là Đạo, tất cả các pháp gọi là mười hai xứ. Các pháp như vậy, Đức Thế Tôn khai thị-thiết lập , giảng giải rõ ràng, làm sao có thể thiết lập là vô ký?

Đáp: Không phải là vì không nói mà gọi là vô ký, nhưng các pháp

thiện thì Đức Phật ghi nhận là thiện, các pháp bất thiện thì ghi nhận là bất thiện; nếu pháp không có thể ghi nhận là thiện hay bất thiện, thì nói là vô ký. Lại nữa, Đức Phật ghi nhận pháp thiện có quả đáng yêu thích, pháp bất thiện có quả không yêu thích, nếu pháp không có hai quả có thể ghi nhận kia, thì nói là vô ký. Lại nữa, do hai sự cho nên pháp thiện có thể ghi nhận rõ ràng:

1. Do tự tánh.
2. Do dị thực.

Pháp bất thiện cũng như vậy. Vô ký tuy có tự tánh có thể ghi nhận, mà không có dị thực cho nên gọi là vô ký. Hoặc có lúc không nói đến, cho nên gọi là vô ký; như trong các kinh bỏ qua sự thiết lập ghi nhận, luận về bốn loại ghi nhận đã nói trong chương Tạp Uẩn.

Ba Kiết cho đến chín mươi tám Tùy miên, mấy loại có dị thực, mấy loại không có dị thực?

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về nghĩa của mình. Nghĩa là hoặc có người chấp: Lìa Tư thì không có nhân dị thực, lìa Thọ thì không có quả dị thực. Như cái chấp của phái Thí Dụ. Vì ngăn chặn ý đó, mà hiển bày về nhân-dị thực và quả dị thực đều gồm chung cả năm uẩn. Hoặc lại có người chấp: Các nhân-quả dị thực, nếu đã chín muồi thì Thể của nó sẽ không có. Như phái Âm Quang Bộ, họ đưa ra cách nói này: Các nhân-quả dị thực ở phần vị chưa chín muồi thì Thể của nó hãy còn có, nếu quả đã chín muồi thì Thể của nó sẽ không còn; như hạt giống bên ngoài, ở lúc mầm chưa sinh ra thì Thể của nó hãy còn có, nếu mầm đã sinh ra thì Thể của nó sẽ không còn. Vì ngăn chặn ý đó, mà hiển bày về nhân-quả dị thực ở phần chín muồi thì Thể của nó vẫn còn có. Hoặc lại có người chấp: Nghiệp thiện và bất thiện không có quả dị thực. Như cái chấp của các ngoại đạo. Vì phá bỏ nghĩa ấy, mà hiển bày về nghiệp thiện-ác đều có quả dị thực. Bởi vì ngăn chặn các loại chấp lạ lùng như vậy, hiển bày về tông chỉ của mình, cho nên soạn ra phần luận này. Lại nữa, không phải là vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để biểu hiện rõ ràng về nghĩa lý của mình, mà chỉ vì khai triển về thật tánh của các pháp làm cho phát sinh kiến giải chính xác, cho nên soạn ra phần luận này. Trả lời về các pháp bất thiện có dị thực, các pháp vô ký không có dị thực, ở đây phân biệt rộng ra cần phải dựa theo phần trước.

Hỏi: Có dị thực thì nghĩa là gì? Bởi vì cùng với pháp tự dị thực đều gọi là có dị thực, hay vì cùng với pháp dị thực khác đều gọi là có

dị thực? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu cùng với pháp tự dị thực đều gọi là có dị thực, thì nhân-quả cần phải song song, trong kệ trước đã nói phải thông hiểu thế nào? Như nói:

“Làm các không lập tức nhận chịu, không phải như sữa biến thành bơ,

Giống như tro phủ trên ngọn lửa, ngu đốt giã vào lâu mới cháy”.

Có loại cỏ Tát-xà, xay mịn bỏ vào trong sữa thì lập tức trở thành sữa đặc; nghiệp quả thì không như vậy, như tro phủ trên than lửa, người ngu đốt khinh thường dẫm chân vào, ban đầu tuy không cảm thấy nóng mà sau đó thì bị cháy bỏng; làm ác cũng như vậy, lúc đang là nhân tuy vui thú mà đến lúc quả chín muồi thì có khổ đau cũng nẻo ác. Nếu cùng với pháp dị thực khác, thì đúng ra Thánh đạo cũng có dị thực, bởi vì đồng thời phát khởi cùng với dị thực khác?

Đáp: Tự dị thực đều gọi là có dị thực.

Hỏi: Nếu như vậy thì nhân-quả cần phải song song, trong kệ đã nói phải thông hiểu thế nào?

Đáp: Điều (câu: Điều-Cùng) thì có hai loại:

1. Có cùng nhau.
2. Song song cùng nhau.

Có cùng nhau, như có nhân-có quả, có sở duyên- có dị thực. Có nhân- có quả, như nhân tàn lụi đã trảm Câu-chi kiếp thì quả mới hiển ra trước mắt, cách nhau tuy xa mà sau gọi là có nhân-trước gọi là có quả. Có sở duyên, như người đứng ở đây nhìn mặt trăng-mặt trời rồi phát sinh nhãn thức, nơi này-nơi kia cách nhau tuy bốn mươi ngàn Du-thiện-na, mà nhãn thức này gọi là sở duyên. Có dị thực, là như tạo nghiệp đã trảm Câu-chi kiếp thì dị thực mới phát khởi; cách nhau tuy xa mà nhân của nghiệp trước kia gọi là có dị thực. Song song cùng nhau, như có Tầm-có Tứ, có Hỷ-có Cảnh giác. Có Tầm, nghĩa là pháp tương ứng với Tầm. Có Tứ, nghĩa là pháp tương ứng với Tứ. Có Hỷ, nghĩa là pháp tương ứng với Hỷ căn. Có Cảnh giác, nghĩa là pháp tương ứng với tác ý. Nên biết trong này nói có dị thực, là dựa vào có cùng nhau mà nói, chứ không dựa vào song song cùng nhau.

Lại nữa, Điều (câu: Điều-Cùng) thì có hai loại:

1. Có cùng nhau.
2. Kết hợp cùng nhau.

Có cùng nhau, như có nhân-có quả, có sở duyên-có dị thực. Kết hợp cùng nhau, như có Tầm-có Tứ, có Hỷ-có Cảnh giác. Nên biết trong

này nói có dị thực, là dựa vào có cùng nhau mà nói, chứ không dựa vào kết hợp cùng nhau.

Lại nữa, Điều (câu: Điều-Cùng) thì có ba loại:

1. Gần cùng nhau.
2. Xa cùng nhau.
3. Gần xa cùng nhau.

Gần cùng nhau như có Tâm-có Tứ, có Hỷ-có Cảnh giác. Xa cùng nhau, như có nhân-có quả, có sở duyên-có dị thực. Gần xa cùng nhau, như có lậu-có tùy miên, có duyên-có sự. Có lậu, nghĩa là pháp tương ứng với lậu, và pháp sở duyên của lậu; có tùy miên cũng như vậy. Có duyên, nghĩa là các pháp gần xa với duyên ấy; có sự cũng như vậy. Sự nghĩa là sự làm nhân, hoặc là do sự mà ràng buộc. Nên biết trong này nói có dị thực, là dựa vào xa cùng nhau mà nói, chứ không dựa vào hai loại còn lại.

Hỏi: Vì sao gọi là dị thực?

Đáp: Khác loại mà thành thực cho nên gọi là dị thực. Thực có hai loại:

1. Cùng loại.
2. Khác loại.

Thực cùng loại, nghĩa là quả đẳng lưu, tức là thiện sinh ra thiện, bất thiện sinh ra bất thiện, vô ký sinh ra vô ký. Thực khác loại, nghĩa là quả dị thực, tức là pháp thiện-bất thiện dẫn đến quả vô ký. Nghĩa hỏi-Đáp còn lại như trong chương Tạp uẩn đã nói.

Ba Kiết cho đến chín mươi tám Tùy miên, mấy loại do kiến mà đoạn, mấy loại do tu mà đoạn?

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về nghĩa của mình. Nghĩa là phái Thí Dụ đưa ra cách nói như vậy: “Dị sinh không có năng lực đoạn trừ các phiền não, Đại đức nói rằng: Dị sinh không có nghĩa đoạn trừ tùy miên, chỉ có năng lực đều phục ràng buộc. Nếu đưa ra cách nói này thì đối với lý không có gì tổn hại”. Hỏi họ vì sao dấy lên chấp như vậy? Trả lời là bởi vì dựa vào trong kinh. Nghĩa là trong kinh nói: “Nếu người dùng Thánh tuệ thấy pháp đoạn trừ, thì gọi là người thực sự đoạn trừ chứ không phải là các dị sinh, bởi vì đã có Thánh tuệ mà chưa có năng lực đoạn trừ”.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong kinh nói phải thông hiểu thế nào? Như nói: “Này Tỳ kheo! Mãnh Hi Tử kia đã đoạn nhiễm Dục, đã đoạn nhiễm Sắc, đã đoạn nhiễm không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô

sở hữu xứ, sinh đến Phi tướng phi phi tướng xứ”. Lại nói: “Ngoại tiên đã lia nhiễm Dục”. Họ đưa ra cách trả lời này: Đã dẫn trong kinh nói: “Không đoạn nói là đoạn, không lia nói là lia”. Như trong kinh khác nói: “Không đoạn nói là đoạn, không lia nói là lia”, những kinh nào nói “Không đoạn nói là đoạn”? Như nói:

*“Người ngu chấp ngã và ngã sở, lúc chết đều vĩnh viễn đoạn trừ,
Người trí đã nhận biết điều này, không thể chấp ngã và ngã sở”.*

Những kinh nào nói “Không lia nói là lia”? Như nói: “Có trẻ trai-trẻ gái trong thôn xóm, chơi đùa cùng nhau lấy tro đất để làm thành nhà cửa, đối với nhà cửa này lúc chưa lia nhiễm thì sửa sang bảo vệ; nếu lúc lia nhiễm thì hủy hoại bỏ đi”. Như hai kinh này nói: “Không đoạn nói là đoạn, không lia nói là lia”, nghĩa trong kinh đã dẫn chứng cũng thuận theo như vậy. Nhưng các dị sinh đối với các phiền não, thực sự chưa vĩnh viễn đoạn trừ mà chỉ có thể tạm thời điều phục, nghĩa là lúc lia nhiễm thì dùng đạo thế tục dựa vào Tính lực thứ nhất để lia nhiễm của cõi Dục, theo thứ tự cho đến dựa vào Phi tướng phi phi tướng xứ để lia nhiễm của vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ không có nơi nào cao hơn để có thể dựa vào cho nên không thể nào lia được. Giống như con sâu đo bám vào cổ cây thì leo lên phía trên mà rời bỏ phía dưới, nếu đến nơi cao nhất mà không có nơi nào cao hơn để có thể leo lên, thì lập tức lúi xuống phía dưới; như người leo lên cây cao, nên biết cũng như vậy. Như loài Dạ can... giầy xéo lâu lách một cách nóng nảy, chỉ làm hại đến mầm cây chứ không trừ được gốc rễ; dị sinh lia nhiễm nên biết cũng như vậy, chỉ có thể tạm thời điều phục chứ không có năng lực vĩnh viễn đoạn trừ.

Bởi vì ngăn chặn ý đó, hiển bày về các dị sinh dùng đạo thế tục cũng có năng lực đoạn trừ các kiết.

Hoặc lại có người chấp: chắc chắn không có nghĩa Thánh giả dùng đạo thế tục để đoạn trừ các phiền não. Họ đưa ra cách nói này: Thánh giả làm sao rời bỏ đạo vô lậu mà sử dụng đạo thế tục? Vì ngăn chặn ý đó, hiển bày về nghĩa có Thánh giả dùng đạo thế tục để đoạn nào.

Hoặc lại có người chấp: Tức cả phiền não thấy đều nhanh chóng đoạn trừ, không có nghĩa dần dần đoạn trừ. Họ đưa ra cách nói này: Lúc định Kim Cang Dụ hiển ở trước mắt thì phiền não nhanh chóng đoạn trừ, tức là do Định ấy mà đoạn trừ tất cả phiền não mê hoặc, cho nên nói là định Kim Cang Dụ. Giống như Kim Cang có năng lực phá vỡ các loại như sắt-đá-ngà-xương-vàng-bạc-ngọc quý... họ tuy chấp nhận là có bốn quả Sa-môn, nhưng đoạn trừ phiền não thì chủ yếu là định Kim Cang.

Hỏi họ là ba quả trước chưa có năng lực đoạn trừ phiền não mê hoặc, thì đâu cần phải thiết lập làm gì? Họ đưa ra cách trả lời này: Ba quả trước điều phục các phiền não, dẫn dắt định Kim Cang làm cho hiển ở trước mặt, mới có năng lực vĩnh viễn đoạn trừ cho nên không phải là vô dụng; ví như người nông dân tay trái nắm lấy cỏ-tay phải cầm cái liềm sắc bén, cắt đứt trong một lúc.

Vì ngăn chặn ý đó, hiển bày về các phiền não có hai loại đối trị, đó là kiến đạo và tu đạo sai biệt, mỗi một loại hiển ở trước mắt đều có năng lực vĩnh viễn đoạn trừ.

Hoặc lại có người chấp: Đối với bốn Thánh đế lúc đạt được hiển quán nhìn nhanh chóng mà không phải là từ từ. Vì đoạn dứt các chấp kia, hiển bày đối với bốn Thánh đế lúc đạt được hiển quán thì từ từ mà không phải là nhanh chóng, phiền não mê hoặc do kiến mà đoạn cũng như do tu mà đoạn, bởi vì không phải là tất cả đoạn trừ trong một lúc. Nếu đối với bốn Đế lúc đạt được hiển quán là nhanh chóng chứ không phải là từ từ, thì trái với Thánh giáo, như trong kinh nói: “Trưởng giả Cấp Cô Độc đi đến nơi Đức Phật, thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Đối với bốn Thánh đế lúc đạt được hiển quán, là nhanh chóng hay là từ từ? Đức Thế Tôn bảo rằng: Như bốn nấc thang từ từ bước chân lên chứ không phải là lập tức”.

Hoặc lại có người chấp: Tất cả phiền não không có gì sai biệt về do kiến-tu mà đoạn. Vì ngăn chặn ý đó hiển bày về các phiền não chắc chắn có sự sai biệt về do kiến-tu mà đoạn.

Bởi vì ngăn chặn các loại chấp trước lạ lùng như vậy, hiển bày về tông chỉ của mình cho nên soạn ra phần luận này. Lại nữa, không phải là vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để biểu hiện rõ ràng về nghĩa lý của mình, mà đều vì khai triển về thực tánh của các pháp làm cho phát sinh kiến giải chính xác, cho nên soạn ra phần luận này. Trả lời về trong ba kiết thì kiết Hữu thân kiến, kiến là đi trước có hai câu, hoặc là do kiến mà đoạn, hoặc là do kiến-tu mà đoạn.

Hỏi: Đi trước là nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa về thiết lập trước-nghĩa về trả lời trước, là nghĩa của đi trước (Tiền hành). Nghĩa về thiết lập trước là nghĩa của đi trước, là trước thiết lập về câu do kiến mà đoạn, sau thiết lập về câu bất định. Nghĩa về trả lời trước là nghĩa của đi trước, là trước trả lời về câu do kiến mà đoạn, sau trả lời về câu bất định.

Thế nào là do kiến mà đoạn? Nếu Hữu thân kiến hệ thuộc Phi tướng phi phi tướng xứ, Tùy tín-Tùy pháp hành-hiện quán biên Khổ

nhân đoạn, thì do kiến mà đoạn. Nghĩa là Hữu thân kiến từ cõi Dục cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ có thể đạt được, đạo thế tục dấy khởi có thể đoạn Hữu thân kiến từ cõi Dục cho đến Vô sở Hữu xứ; đối với Hữu thân kiến của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đạo thế tục này không có sức mạnh có thể đoạn được, liền dừng lại chứ không tiến lên, về sau nếu lúc kiến đạo hiển ở trước mắt thì mới có thể đoạn được nó. Trong này, Hữu thân kiến là xác định tự tánh của nó, hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ là xác định về địa của nó, Tùy tín, Tùy pháp hành là xác định bổ-đặc-già-la có thể đoạn được nó, hiện quán biên Khổ nhân là xác định về đạo đối trị với nó, đoạn là xác định về công việc của đạo ấy. Nếu Hữu thân kiến có đối trị không lẫn tạp, đối trị quyết định-đối trị bất cộng, Thánh giả đoạn chứ không phải là dị sinh, Thánh đạo đoạn chứ không phải là thế tục, kiến đạo đoạn chứ không phải là tu đạo, Nhân đoạn chứ không phải là trí, thì ở đây đã nói; còn lại nếu dị sinh đoạn thì do tu mà đoạn, đệ tử của Đức Thế Tôn đoạn thì do kiến mà đoạn.

Thế nào là còn lại? Nghĩa là Hữu thân kiến từ cõi Dục cho đến vô sở hữu xứ, nếu nó do dị sinh đoạn thì dùng Tu đạo mà đoạn, Thánh giả đoạn thì dùng kiến đạo mà đoạn; dị sinh đoạn thì dùng đạo thế tục mà đoạn, Thánh giả đoạn thì dùng đạo vô lậu mà đoạn; dị sinh đoạn thì dùng trí mà đoạn, Thánh giả đoạn thì dùng Nhân mà đoạn; dị sinh đoạn thì dùng chín phẩm mà đoạn chín phẩm; Thánh giả đoạn thì dùng một phẩm mà đoạn chín phẩm; dị sinh đoạn thì thường xuyên dấy khởi mà đoạn, Thánh giả đoạn thì không dấy khởi mà đoạn, dị sinh đoạn thì không quán Đế mà đoạn, Thánh giả đoạn thì quán Đế mà đoạn.

Như kiết Hữu thân kiến, kiết Hữu thân kiến trong năm Kiết thuận phần dưới, Hữu thân kiến-Biên chấp kiến trong năm kiến cũng như vậy; bởi vì tự tánh giống nhau cùng gồm chung chín địa và chỉ riêng một bộ.

Kiết Giới cấm thủ và kiết Nghi, kiến là đi trước có hai câu, hoặc là do kiến mà đoạn, hoặc là do kiến-tu mà đoạn. Nghĩa đi trước như trên đã nói.

Thế nào là do kiến mà đoạn? Nếu Giới cấm thủ và Nghi hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Tùy tín-Tùy pháp hành-hiện quán biên và các Nhân đoạn, thì do kiến mà đoạn. Nghĩa là Giới cấm thủ và Nghi từ cõi Dục cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ có thể đạt được, đạo thế tục dấy khởi có thể đoạn Giới cấm thủ và Nghi từ cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ; đối với Giới cấm thủ và Nghi của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đạo thế tục này không có sức mạnh có thể đoạn được, liền dừng lại chứ

không tiến lên, về sau nếu lúc Kiến đạo hiện ở trước mắt thì mới có thể đoạn được chúng. Trong này Giới cấm thủ và Nghi, là xác định tự tánh của chúng; Tùy tín-Tùy pháp hành, là xác định Bồ-đặc-già-la có thể đoạn được chúng; hiện quán biên và các Nhân, là xác định về đạo đối trị với chúng; đoạn là xác định về công việc của đạo ấy. Nếu Giới cấm thủ và Nghi có đối trị không lẫn tạp-đối trị quyết định-đối trị bất cộng, Thánh giả đoạn chứ không phải là dị sinh, Thánh đạo đoạn chứ không phải là thế tục, kiến đạo đoạn chứ không phải là tu đạo, Nhân đoạn chứ không phải là trí, thì ở đây đã nói; còn lại nếu dị sinh đoạn thì do tu mà đoạn, đệ tử của Đức Thế Tôn đoạn thì do kiến mà đoạn.

Thế nào là còn lại? Nghĩa là Giới cấm thủ và Nghi từ cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ, nếu chúng do dị sinh đoạn thì dùng Tu đạo mà đoạn, Thánh giả đoạn thì dùng Kiến đạo mà đoạn; dị sinh đoạn thì dùng đạo thế tục mà đoạn, Thánh giả đoạn thì dùng đạo vô lậu mà đoạn; dị sinh đoạn thì dùng Trí mà đoạn, Thánh giả đoạn thì dùng Nhân mà đoạn; dị sinh đoạn thì dùng chín phẩm mà đoạn chín phẩm, Thánh giả đoạn thì dùng một phẩm mà đoạn chín phẩm; dị sinh đoạn thì thường xuyên dấy khởi mà đoạn, Thánh giả đoạn thì không dấy khởi mà đoạn; dị sinh đoạn thì không quán Đế mà đoạn, Thánh giả đoạn thì quán Đế mà đoạn.

Như kiết Giới cấm thủ và Nghi, kiến Bộc lưu-Ách trong bốn Bộc lưu-Ách, Kiến thủ-Giới cấm thủ trong bốn Thủ, Giới cấm thủ Thân hệ-chấp thủ đây là thật Thân hệ trong bốn thân hệ, kiết Giới cấm thủ và Nghi trong năm kiết thuận phần dưới, Tà kiến-Kiến thủ và Giới cấm thủ trong năm Kiến, tùy miên Kiến-Nghi trong bảy tùy miên, kiết Kiến-Thủ-Nghi trong chín Kiết, cũng như vậy; bởi vì tự tánh giống nhau cùng gồm chung chín địa và chỉ có bốn bộ.

Căn bất thiện tham, tu là đi trước có hai câu, hoặc là do tu mà đoạn, hoặc là do kiến-tu mà đoạn.

Hỏi: Đi trước là nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa về thiết lập trước-nghĩa về trả lời trước, là nghĩa của đi trước. Nghĩa về thiết lập trước là nghĩa của đi trước, là trước thiết lập về câu do tu mà đoạn, sau thiết lập về câu bất định. Nghĩa về trả lời trước là nghĩa của đi trước, là trước trả lời về câu do tu mà đoạn, sau trả lời về câu bất định.

Thế nào là do tu mà đoạn? Nếu căn bất thiện tham-học kiến tích-các trí đoạn thì do tu mà đoạn. Nghĩa là căn bất thiện tham ở năm bộ có thể đạt được, tức là từ kiến Khổ cho đến do tu mà đoạn, Kiến đạo dấy

khởi có thể đoạn căn bất thiện tham từ kiến Khổ cho đến do kiến Đạo mà đoạn; đối với căn bất thiện tham do tu mà đoạn, kiến tạo này không có sức mạnh có thể đạt được, liền dừng lại chứ không tiến lên, về sau lúc tu đạo hơn hẳn hiện ở trước mắt thì mới có thể đoạn được nó. Trong này, căn bất thiện tham là xác định tự tánh của nó, học kiến tích là xác định Bồ-đặc-già-la có thể đoạn được nó, các trí là xác định về đạo đối trị với nó, đoạn là xác định về công việc của đạo ấy. Nếu căn bất thiện tham có đối trị không lẫn tạp- đối trị quyết định- đối trị bất cộng, Thánh giả đoạn chứ không phải là dị sinh, tu đạo đoạn chứ không phải là kiến đạo, trí đoạn chứ không phải là Nhẫn, thì ở đây đã nói; còn lại nếu dị sinh đoạn thì do tu mà đoạn, đệ tử của Đức Thế Tôn đoạn thì do kiến mà đoạn.

Thế nào là còn lại? Nghĩa là căn bất thiện tham ở bốn bộ trước tức là từ kiến Khổ cho đến kiến Đạo mà đoạn, nếu nó do dị sinh đoạn thì dùng tu đạo mà đoạn, Thánh giả đoạn thì dùng kiến Đạo mà đoạn; dị sinh đoạn thì dùng đạo thế tục mà đoạn, Thánh giả đoạn thì dùng đạo vô lậu mà đoạn; dị sinh đoạn thì dùng trí mà đoạn; Thánh giả đoạn thì dùng Nhẫn mà đoạn; dị sinh đoạn thì dùng chín phẩm mà đoạn, Thánh giả đoạn thì dùng một phẩm mà đoạn chín phẩm; dị sinh đoạn thì thường xuyên dấy khởi mà đoạn, Thánh giả đoạn thì không dấy khởi mà đoạn; dị sinh đoạn thì không quán Đế mà đoạn, Thánh giả đoạn thì quán Đế mà đoạn.

Hỏi: Trong này đã nói nếu căn bất thiện tham-học kiến tích-các trí đoạn thì do tu mà đoạn, là hiển bày căn thiện tham trong thân Thánh giả do tu mà đoạn; còn lại nếu dị sinh đoạn thì do tu mà đoạn, đệ tử của Đức Thế Tôn đoạn thì do kiến mà đoạn, là hiển bày căn thiện tham trong thân dị sinh-Thánh giả do kiến mà đoạn, ngoài ra còn có căn bất thiện tham trong thân dị sinh do tu mà đoạn, tại sao trong này không nói?

Đáp: Nên nói mà không nói đến, thì nên biết nghĩa này có khác. Lại nữa, điều đó đã nói ở trong phần trước đã nói. Nguyên cố thế nào? Bởi vì bộ sai biệt mà kiến lập phiền não, chứ không vì các phiền não thuộc về thân, bộ có năm chứ có sáu, Thánh giả lúc kiến đạo hiện ở trước mắt thì đoạn là do kiến mà đoạn, về sau nếu lúc tu đạo hiện ở trước mắt thì đoạn là do tu mà đoạn, dị sinh lúc tu đạo hiện ở trước mắt thì đoạn chung cả năm bộ, bởi vì các dị sinh không có thể phân biệt về sự sai biệt của năm bộ mà chỉ có thể đoạn chung cả năm bộ, nói rằng dị sinh đoạn thì do tu mà đoạn, tức là đã nói đến điều đó cho nên không nói riêng biệt. Lại nữa, nói rằng học kiến tích-các trí đoạn, tức là đã

hiển bày điều đó cho nên không nói riêng biệt; trong thân dị sinh do tu mà đoạn, tức là do học kiến tích và trí mà đoạn.

Như căn bất hiện tham, thì căn bất phiện sân-si, Dục lậu trong ba Lậu, Dục Bộc lưu-Ách trong bốn Bộc lưu-Ách, Dục thủ trong bốn Thủ, Thân hệ tham dục-sân nhuế trong bốn Thân hệ, trừ ra Ác tác-Nghi còn lại các Cái trong năm Cái, kiết sân trong năm kiết, Kiết tham dục-sân nhuế trong năm Kiết thuận phần dưới, tùy miên dục tham-sân nhuế trong bảy Tùy miên, kiết nhuế trong chín kiết, cũng như vậy; bởi vì tự tánh giống nhau, đều gồm chung năm bộ và chỉ thuộc cõi Dục.

Hữu lậu và Vô minh lậu, kiến là đi trước có ba câu, hoặc là do kiến mà đoạn, hoặc là do tu mà đoạn, hoặc là do kiến-tu mà đoạn.

Hỏi: Đi trước nghĩa là gì?

Đáp: Nghĩa về thiết lập trước-nghĩa về trả lời trước, là nghĩa của đi trước. Nghĩa về thiết lập trước là nghĩa của đi trước, là trước thiết lập về câu do kiến mà đoạn, tiếp đến thiết lập về câu do tu mà đoạn, sau thiết lập về câu bất định. Nghĩa về trả lời trước là nghĩa của đi trước, là trước trả lời về câu do kiến mà đoạn, tiếp đến trả lời về câu do tu mà đoạn, sau trả lời về câu bất định.

Thế nào là do kiến mà đoạn? Nếu Hữu lậu-Vô minh lậu hệ thuộc Phi tướng phi phi tướng xứ, Tùy tín-Tùy pháp hành, hiện quán biên và các Nhân đoạn, thì do kiến mà đoạn. Nghĩa là Hữu lậu từ Tĩnh lự thứ nhất cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ có thể đạt được, Vô minh lậu từ cõi Dục cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ có thể đạt được, đạo thế tục dấy khởi có thể đoạn Hữu lậu từ Tĩnh lự thứ nhất cho đến Vô sở hữu xứ và Vô minh lậu từ cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ; đối với Hữu lậu-Vô minh lậu của Phi tướng phi phi tướng xứ, đạo thế tục này không có sức mạnh có thể đoạn được, liền dừng lại chứ không đứng lên, về sau nếu lúc Kiến đạo hiện ở trước mắt thì mới có thể đoạn được chúng, đó là do kiến mà đoạn. Trong này, Hữu lậu-Vô minh lậu là xác định về tự tánh của chúng, hệ thuộc Phi tướng phi phi tướng xứ là xác định về địa của chúng, Tùy tín-Tùy pháp hành là xác định về Bồ-đặc-là-gia có thể đoạn được chúng, hiện quán biên và các Nhân là xác định về đạo đối trị với chúng, đoạn là xác định về công việc của đạo ấy. Nếu Hữu lậu và Vô minh lậu có đối trị không lẫn tạp-đối trị quyết định-đối trị bất cộng, Thánh giả đoạn chứ không phải là dị sinh, Thánh đạo đoạn chứ không phải là thế tục, kiến đạo đoạn chứ không phải là tu đạo, Nhân đoạn chứ không phải là trí, thì ở đây đã nói.

Thế nào là do tu mà đoạn? Nếu Hữu lậu-Vô minh lậu do các trí-

học kiến tịch đoạn, thì do tu mà đoạn. Nghĩa là Hữu lậu-vô minh lậu ấy có năm bộ, lúc kiến đạo hiện ở trước mắt thì đoạn bốn bộ trước; đối với Hữu lậu-Vô minh lậu do tu mà đoạn, kiến đạo này không có sức mạnh có thể đạt được, liền dừng lại chứ không tiến lên, về sau lúc tu đạo hơn hẳn hiện ở trước mắt thì mới có thể đoạn được chúng. Trong này, Hữu lậu-Vô minh lậu là xác định về tự tánh của chúng, học kiến tịch là xác định về Bồ-đặc-là-gia có thể đoạn được chúng, các trí là xác định về đạo đối trị có thể đoạn được chúng, đoạn là xác định công việc của đạo ấy. Nếu Hữu lậu-Vô minh lậu có đối trị không lẫn tạp-đối trị quyết định-đối trị bất cộng, Thánh giả đoạn chứ không phải là dị sinh, tu đạo đoạn chứ không phải là kiến đạo, trí đoạn chứ không phải là Nhãn, thì ở đây đã nói; còn lại nếu dị sinh đoạn thì do tu mà đoạn, đệ tử của Đức Thế Tôn đoạn thì do kiến mà đoạn.

Thế nào là còn lại? Nghĩa là Hữu lậu từ Tĩnh lực thứ nhất cho đến Vô sở hữu xứ, vô minh lậu từ cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ, năm bộ trong thân dị sinh, bốn bộ trong thân Thánh giả, nếu chúng do dị sinh đoạn thì dùng tu mà đoạn, Thánh giả đoạn thì dùng kiến đạo mà đoạn; dị sinh đoạn thì dùng đạo thế tục mà đoạn, Thánh giả đoạn thì dùng đạo vô lậu mà đoạn; dị sinh đoạn thì dùng trí mà đoạn, Thánh giả đoạn thì dùng Nhãn mà đoạn; dị sinh đoạn thì dùng chín phẩm mà đoạn chín phẩm, Thánh giả đoạn thì dùng một phẩm mà đoạn chín phẩm; dị sinh đoạn thì thường xuyên dấy khởi mà đoạn, Thánh giả đoạn thì không dấy khởi mà đoạn; dị sinh đoạn thì không quán Đế mà đoạn, Thánh giả đoạn thì quán Đế mà đoạn.

Như hữu lậu-vô minh lậu, thì hữu-vô minh Bộc lưu-Ách trong bốn Bộc lưu-Ách Ngã ngữ hủ trong bốn hủ, kiết tham-mạn trong năm kiết, doý xúc mà sinh ra Ái thân trong sáu Ái thân, khi tùy miên hữu tham-Mạn-Vô minh trong bảy tùy miên, Kiết Ái-Mạn-Vô minh trong chín kiết, cũng như vậy; bởi vì tự tánh giống nhau, cùng gồm chung tám địa và chín địa, và gồm chung cả năm bộ.

Đi trước có ba loại:

1. Đi trước bất cộng.
2. Đi trước cứu cánh.
3. Đi trước lúc đầu.

Đi trước bất cộng là như ba kiết.. Đi trước cứu cánh là như ba căn bất thiện... Đi trước lúc đầu là như hữu lậu-Vô minh lậu... Nếu các phiền não hệ thuộc gồm cả ba cõi thì chỉ do kiến mà đoạn, chúng thuộc về kiến là đi trước có hai câu, như ba kiết.. Nếu các phiền não chỉ hệ

thuộc cõi Dục gồm chung cho năm bộ, thì chúng thuộc về tu là đi trước có hai câu, như ba căn bất thiện... Nếu các phiền não hệ thuộc gồm cả ba cõi, cũng gồm chung cho năm bộ, thì chúng thuộc về tu là đi trước có hai câu, như ba căn bất thiện... Nếu các phiền não hệ thuộc gồm cả ba cõi, cũng gồm chung cho năm bộ thì chúng thuộc về kiến là đi trước có ba câu, như Hữu lậu-Vô minh lậu... Đó gọi là tóm lược Tỳ-bà-sa ở chỗ này.

Cái Ác tác do tu mà đoạn, dị sinh và Thánh giả đều dùng chín phẩm-trì mà đoạn được chúng. Như cái Ác tác, thì kiết Tật-Khan trong năm kiết, năm Kiết thuận phần trên, năm Ái thân trước trong sáu Ái thân, kiết Tật-Khan trong chín kiết, cũng như vậy; bởi vì cùng là chín phẩm do trí mà đoạn. Cái Nghi nếu dị sinh đoạn thì do tu mà đoạn, đệ tử của Đức Thế tôn đoạn thì do kiến mà đoạn, bởi vì loại này thuộc về bốn bộ trước của cõi Dục. Trong chín mươi tám Tùy miên thì hai mươi tám loại do kiến mà đoạn, đó là bốn bộ trước của Hữu Đảnh; mười loại do tu mà đoạn, đó là bộ do tu mà đoạn của ba cõi; còn lại nếu là dị sinh đoạn thì do tu mà đoạn, đệ tử của Đức Thế tôn đoạn thì do kiến mà đoạn, đó là bốn bộ trước của tám địa phía dưới.

Hỏi: Nếu hai mươi tám loại do kiến mà đoạn, mười loại do tu mà đoạn, còn lại là bất định, thì trong luận Phẩm Loại Túc tại sao nói “Trong tám mươi chín Tùy miên có tám mươi tám loại do kiến mà đoạn, mười loại do tu mà đoạn”?

Đáp: Văn này là Liễu nghĩa, văn kia là Bất Liễu nghĩa; văn này không có ý nghĩa khác, văn kia có ý nghĩa khác; văn này không có nhân duyên khác, văn kia có nhân duyên khác; văn này dựa vào thắng nghĩa để mà nói, văn kia dựa vào thế tục để mà nói. Lại nữa, luận kia dựa vào người theo thứ tự-người vốn có phiền não-người không vượt lên trên mà nói, luận này dựa vào người không theo thứ tự-người không vốn có phiền não-người vượt lên trên mà nói. Lại nữa, luận kia chỉ dựa vào Thánh giả lìa nhiễm chứ không phải là dị sinh-tác dụng của Thánh đạo chứ không phải là thế tục mà nói, luận này cùng dựa vào Thánh giả và dị sinh lìa nhiễm-tác dụng của Thánh đạo và thế tục đạo mà nói. Lại nữa, luận này là nói quyết định, luận kia dựa vào môn loại khác nhau mà nói; nghĩa là trước phải lìa nhiễm của cõi Dục cho đến lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ mà tiến vào Chánh tánh ly sinh, trong lúc kiến đạo ấy cũng chứng được pháp ly hệ vô lậu do kiến mà đoạn của tám địa dưới, cho nên đưa ra cách nói này: Tám mươi tám loại do kiến mà đoạn, mười loại do tu mà đoạn. Tôn giả Diệu Âm cũng đưa cách nói này”: Luận này

đã nói là dựa vào lý quyết định, luận Phẩm Loại Túc nói “Tám mươi tám loại do kiến mà đoạn” là dựa vào sự chứng đắc giải thoát vô lậu mà nói, hoặc là dựa vào thứ tự đắc quả mà nói”.

Hỏi: Vì sao gọi là do kiến mà đoạn? Vì sao gọi là do tu mà đoạn? Kiến không rời xa tu-tu không rời xa kiến, kiến lập hai tên gọi Sở Đoạn là như thế nào?

Đáp: Tuy là trong kiến đạo cũng có như thật Tu có thể đạt được, trong tu đạo cũng có như thật kiến có thể đạt được, mà kiến thì chính là Tuệ-Tu thì chính là không phóng dật, như thật ấy là nghĩa về làm cho nhiều lên, hoặc là nghĩa của mạnh mẽ nhanh nhạy, trong kiến đạo thì tuệ nhiều-không phóng dật ít, trong tu đạo thì không phóng dật nhiều-tuệ ít, cho nên tên gọi Sở đoạn ấy có sai biệt. Lại nữa, như thật ấy là nghĩa về bình đẳng, hoặc là nghĩa của tương tự; tuy trong kiến đạo có tuệ như vậy, cũng có không phóng dật như vậy, trong tu đạo có không phóng dật như vậy, cũng có tuệ như vậy, mà trong kiến đạo thì tác dụng của tuệ tăng lên mạnh hơn, tác dụng của không phóng dật lại yếu kém hơn, trong tu đạo thì tác dụng của không phóng dật tăng lên mạnh hơn, tác dụng của tuệ lại yếu kém hơn, cho nên tên gọi Sở Đoạn ấy có sai biệt.

Tôn giả Thế hữu đưa ra cách nói như vậy: “Tuy là quán bốn đế đoạn trừ các phiền não, không có thể phân biệt đây là do kiến mà đoạn-đây là do tu mà đoạn, nhưng nhờ vào sức mạnh của kiến để đoạn trừ loại bỏ thì gọi là do kiến mà đoạn; như đã đắc đạo, hoặc là tập-hoặc là tu-hoặc là đã thực hành nhiều, phạm vi-phẩm loại từ từ làm cho ít ỏi lại cho đến cuối cùng đều đoạn trừ hết thì gọi là do tu mà đoạn”.

Có người đưa ra cách nói này: Do kiến mà đoạn cũng gọi là do tu mà đoạn, bởi vì trong kiến đạo cũng có như thật Tu; do tu mà đoạn cũng gọi là do kiến mà đoạn, bởi vì trong tu đạo cũng có như thật kiến. Ở trong nghĩa này, nếu nhờ vào sức mạnh của kiến để đoạn trừ loại bỏ thì gọi là do kiến mà đoạn; như đã đắc đạo, hoặc là tập-hoặc là tu-hoặc là đã thực hành nhiều, phạm vi-phẩm loại từ từ làm cho nhỏ bé lại cho đến cuối cùng đều đoạn trừ hết thì gọi là do tu mà đoạn.

Hỏi: Cách nói này có nghĩa gì?

Đáp: Đây là nói về kiến đạo là đạo mạnh mẽ sắc bén, tạm thời hiện ở trước mắt trong một lúc có năng lực đoạn trừ chín phẩm phiền não, tu đạo là đạo không mạnh mẽ sắc bén, thường xuyên tu tập trải qua thời gian lâu dài mới đoạn được chín phẩm phiền não; như hai con dao sắc bén-cùn mòn cùng cắt một vật, con dao sắc bén nhanh chóng cắt

đứt, con dao cùn mòn từ từ cắt đứt; tạm thời nhờ kiến đoạn phiền não thì gọi là do kiến mà đoạn, thường xuyên nhờ tu đoạn phiền não thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu dùng đạo tăng thượng về kiến để đoạn thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu dùng đạo tăng thượng về tu để đoạn thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu dùng đạo của hai tướng kiến-tuệ để đoạn thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu đạo của ba tướng kiến-trí tuệ để đoạn thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu dùng đạo của bốn tướng nhãn-minh-giác-tuệ để đoạn thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu dùng đạo của năm tướng nhãn-minh-giác-trí tuệ để đoạn thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu dùng các nhân để đoạn thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu dùng các trí để đoạn thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu chín phẩm dùng một phẩm để đoạn thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu chín phẩm dùng chín phẩm để đoạn thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu dùng Vị tri đương tri căn để đoạn thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu dùng Dĩ tri căn để đoạn thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu dùng tách đá ra mà đoạn thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu như cắt đứt ngó-tơ mà đoạn thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu trái với dững cảm quyết đoán thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu trái với gia hạnh thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, chưa kiến Đế mà quán Đế để đoạn thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu đã kiến Đế lại quán Đế để đoạn thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu dùng đạo có một nhân mà đoạn thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu dùng đạo có hai nhân mà đoạn thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, như Đại lực sĩ mặc giáp trụ mà đoạn thì gọi là do kiến mà đoạn, như người bị tật khiêng chân điều khiển xe lừa mà đoạn thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu lúc đoạn phiền não chỉ tu các hành tướng do tự mình mà quán Đế thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu lúc đoạn phiền não cũng tu các hành tướng do người khác mà quán Đế thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu dùng đạo hưởng về chưa thành tựu quả mà đoạn thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu dùng đạo hưởng về đã thành tựu quả của đoạn thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu dùng đạo không có phạm vi-phẩm loại để đoạn thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu dùng đạo có phạm vi-phẩm loại để đoạn thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu dùng đạo Tùy tín-Tùy pháp hành để đoạn thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu dùng đạo Tín thắng giải-kiến chí-Thân chứng để đoạn thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu dùng đạo ban đầu lập tức dấy khởi mà đoạn thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu dùng đạo về sau luôn luôn dấy khởi mà đoạn thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu quả ly hệ kia thâm nhiếp bốn quả Sa-môn thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu quả ly hệ kia thâm nhiếp hoặc ba-hoặc hai-hoặc một quả Sa-môn

thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu pháp đã đoạn duyên với sự không có thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu pháp đã đoạn duyên với sự có thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu phiền não đoạn rồi vĩnh viễn không lui sụt thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu phiền não đoạn rồi hoặc có lui sụt- hoặc không lui sụt thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu giải thoát rồi không còn ràng buộc nữa thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu giải thoát rồi hoặc là còn ràng buộc-hoặc không còn ràng buộc nữa thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu ly hệ rồi không còn hệ thuộc nữa thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu ly hệ rồi hoặc là còn hệ thuộc-hoặc không còn hệ thuộc nữa thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu lúc đoạn phiền não với Nhẫn là đạo vô gián-Trí là đạo giải thoát thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu lúc đoạn phiền não với Trí là đạo vô gián-Trí là đạo giải thoát thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu lúc đoạn phiền não với Trí là đạo gia hạnh- Nhẫn là đạo vô gián-Trí là đạo giải thoát thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu lúc đoạn phiền não với Trí là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu pháp trước đạt được Phi trạch diệt- sau đạt được Trạch diệt thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu pháp hoặc là trước đạt được Phi trạch diệt-sau đạt được Trạch diệt thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu pháp hoặc là trước đạt được Phi trạch diệt- sau đạt được Trạch diệt, hoặc là trước đạt được Trạch diệt- sau đạt được Trạch diệt, hoặc là trong một lúc đạt được hai Diệt thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu lúc đoạn phiền não mà tu duyên với đạo của một Đế thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu lúc đoạn phiền não mà tu duyên với đạo của bốn đế thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu lúc đoạn phiền não mà tu đạo của bốn hành tướng thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu lúc đoạn phiền não mà tu đạo của mười sáu hành tướng thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu lúc đoạn phiền não chỉ tu đạo tương tự thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu lúc đoạn phiền não mà tu đạo tương tự và không tương tự thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu lúc đoạn phiền não mà tu hai hoặc một Tam-ma-địa thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu lúc đoạn phiền não mà tu ba Tam-ma-địa thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu lúc đoạn phiền não mà không dấy khởi để đoạn thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu lúc đoạn phiền não mà hoặc là dấy khởi để đoạn-hoặc là không dấy khởi để đoạn thì gọi là do tu mà đoạn.

